Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9030.90.90

Mã HS	9030.90.90
Mô tả hàng hóa	Máy hiện sóng, máy phân tích phổ và các dụng cụ và thiết bị khác để đo hoặc kiểm tra đại lượng điện, trừ các loại máy thuộc nhóm 90.28; các thiết bị và dụng cụ đo hoặc phát hiện tia alpha, beta, gamma, tia X, bức xạ vũ trụ hoặc các bức xạ ion hóa khác / - Bộ phận và phụ kiện: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	04/11/2026 21:37:47
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90309090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18232
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18232
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18232
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17558
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17487
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17487
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17487
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17487
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17487
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17487
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17543
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17543
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17543
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17543

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17543
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17543
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17544
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17544
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17544
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17544
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17544
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17544
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17549
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17505
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17501
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17501
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17501
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17501
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17501
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17501
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17547
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17547
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17547
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17547
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17547
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17547
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17609
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17609
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17609
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17609

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17609
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17609
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17585
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17585
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17585
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17585
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17585
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17585
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17580
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17580
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17580
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17580
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17580
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17580
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17610
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17610
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17610
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17610
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17610
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17610
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17609
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17609
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17609
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17609
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17609
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17609

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17703
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17703
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17703
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17703
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17703
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17703
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17703
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17572
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17572
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17572
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17572
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17572
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17572
RCEP B	2022	2022	0	B!D17572
RCEP B	2023	2023	0	B!E17572
RCEP B	2024	2024	0	B!F17572
RCEP B	2025	2025	0	B!G17572
RCEP B	2026	2026	0	B!H17572
RCEP B	2027	2027	0	B!I17572
RCEP C	2022	2022	0	C!D17570
RCEP C	2023	2023	0	C!E17570
RCEP C	2024	2024	0	C!F17570
RCEP C	2025	2025	0	C!G17570
RCEP C	2026	2026	0	C!H17570
RCEP C	2027	2027	0	C!I17570
RCEP D	2022	2022	0	D!D17569

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17569
RCEP D	2024	2024	0	D!F17569
RCEP D	2025	2025	0	D!G17569
RCEP D	2026	2026	0	D!H17569
RCEP D	2027	2027	0	D!I17569
RCEP E	2022	2022	0	E!D17573
RCEP E	2023	2023	0	E!E17573
RCEP E	2024	2024	0	E!F17573
RCEP E	2025	2025	0	E!G17573
RCEP E	2026	2026	0	E!H17573
RCEP E	2027	2027	0	E!I17573
RCEP F	2022	2022	0	F!D17572
RCEP F	2023	2023	0	F!E17572
RCEP F	2024	2024	0	F!F17572
RCEP F	2025	2025	0	F!G17572
RCEP F	2026	2026	0	F!H17572
RCEP F	2027	2027	0	F!I17572
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16474
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16474
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16474
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16474

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9030.90 có 4 dòng thuế; dòng 9030.90.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	9030.90.10 Bộ phận và phụ kiện (kể cả mạch in đã lắp ráp) của các hàng hóa thuộc phân nhóm 9030.40 hoặc 9030.82; 9030.90.30 Bộ phận và phụ kiện của dụng cụ và thiết bị quang học để đo hoặc kiểm tra tấm mạch in/tấm dây in và mạch in đã lắp ráp; 9030.90.40 Bộ phận và phụ kiện của dụng cụ và thiết bị dùng để đo hoặc kiểm tra đại lượng điện của tấm mạch in/tấm dây in và mạch in đã lắp ráp	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9030.90.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9030.90.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18232), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.